

Số: /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bộ chỉ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành
trên môi trường điện tử tỉnh Hà Tĩnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 quy định về chế độ báo cáo của các cơ quan hành chính nhà nước; số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước; số 137/2024/NĐ-CP ngày 23/10/2024 quy định về giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước và hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử;

Căn cứ Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/10/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 05/2023/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 về ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 về ban hành Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu, giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Văn bản số 7146/VPCP-KSTT ngày 31/7/2025 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xác định, xây dựng chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành và kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 5797/TTr-STC ngày 20/8/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ chỉ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trên môi trường điện tử tỉnh Hà Tĩnh, gồm các nhóm chỉ số:

- Nhóm chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành hằng ngày, hằng tháng.
- Nhóm chỉ số theo dõi nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm.
- Nhóm chỉ số theo dõi tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án trọng điểm quốc gia đến năm 2025.
- Nhóm chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành trong các tình huống khẩn cấp như thiên tai, dịch bệnh, ứng phó và tìm kiếm cứu nạn.

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Thống kê tỉnh Hà Tĩnh, Thuế tỉnh Hà Tĩnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh Hà Tĩnh, Chi cục Hải quan khu vực XI, Ngân hàng nhà nước Chi nhánh khu vực 8, Ủy ban nhân dân các xã, phường:

- Cung cấp thông tin, phân tích, dự báo thông tin, dữ liệu về các chỉ số tại các Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này phục vụ chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh. Chịu trách nhiệm về tính chuẩn hoá, chính xác, thống nhất, an toàn, bảo mật, kịp thời, liên tục, thông suốt về thông tin, dữ liệu của các chỉ số được giao cung cấp, tích hợp, kết nối, chia sẻ.

- Xây dựng, lựa chọn các chỉ số thành phần cốt lõi phục vụ theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, các chương trình, dự án trọng điểm theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Định kỳ rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các chỉ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh giao các đơn vị, địa phương dựa trên dữ liệu số; việc gửi, nhận văn bản điện tử, thực hiện chế độ báo cáo phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh; kiến nghị, đề xuất các biện pháp cần thiết nhằm đôn đốc thực hiện, khắc phục tồn tại, hạn chế, bảo đảm kỷ cương, kỷ luật hành chính và hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng biểu mẫu báo cáo các chỉ tiêu; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương quy trình gửi báo cáo, tạo nguồn dữ liệu thường xuyên, chính xác và duy trì ổn định để đưa vào Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan tham mưu, đề xuất nâng cấp, phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh hướng tới hình thành Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành tỉnh Hà Tĩnh và kết nối với Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan tổ chức vận hành Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành tỉnh Hà Tĩnh kết nối, tích hợp, đồng bộ giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu với Hệ thống thông tin, dữ liệu của Văn phòng Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương có liên quan.

3. Sở Khoa học và Công nghệ:

- Điều phối, tích hợp, kết nối, chia sẻ thông tin dữ liệu các chỉ số, nhóm

chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành của các đơn vị, địa phương phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định pháp luật.

- Phối hợp với Công an tỉnh bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng phục vụ việc cung cấp, kết nối, tích hợp, chia sẻ các thông tin, dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

4. Công an tỉnh: chủ trì, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện rà soát, đánh giá và triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin mạng khi thực hiện nâng cấp, hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh hướng tới hình thành Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành tỉnh Hà Tĩnh.

5. Sở Tài chính:

- Tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh việc điều chỉnh, bổ sung Bộ chỉ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trên môi trường điện tử tỉnh Hà Tĩnh đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong quản lý, chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, cơ quan liên quan bố trí kinh phí thực hiện Quyết định này theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh, Thống kê tỉnh Hà Tĩnh, Thuế tỉnh Hà Tĩnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh Hà Tĩnh, Chi cục Hải quan khu vực XI, Ngân hàng nhà nước Chi nhánh khu vực 8, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm CB-TH;
- Lưu: VT, TH, VX₁.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Báu Hà

PHỤ LỤC
Bộ chỉ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trên môi trường điện tử tỉnh Hà Tĩnh
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
A	Nhóm chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành hằng ngày, hằng tháng					
I	Chỉ số giá					
1	Chỉ số giá tiêu dùng tháng (so với tháng trước; so với tháng 12 năm trước; so với cùng kỳ năm trước)	Toàn tỉnh	Tháng	11 nhóm hàng chính	Thống kê tỉnh Hà Tĩnh	
2	Chỉ số giá tiêu dùng bình quân so với cùng kỳ năm trước	Toàn tỉnh	Tháng	11 nhóm hàng chính	Thống kê tỉnh Hà Tĩnh	
3	Chỉ số giá vàng (so với tháng trước; so với cùng kỳ năm trước; bình quân so với cùng kỳ năm trước)	Toàn tỉnh	Tháng		Thống kê tỉnh Hà Tĩnh	
4	Chỉ số giá đô la Mỹ (so với tháng trước; so với cùng kỳ năm trước; bình quân so với cùng kỳ năm trước)	Toàn tỉnh	Tháng		Thống kê tỉnh Hà Tĩnh	
II	Tài chính - ngân sách nhà nước					
1	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (lũy kế đến kỳ báo cáo; so sánh với dự toán và cùng kỳ năm trước)	Toàn tỉnh	Ngày/tháng	Các khoản thu chủ yếu	Sở Tài chính	Thuế tỉnh Hà Tĩnh (cung cấp số liệu đối với thu nội địa và thu khác theo quy định) Chi cục Hải quan khu vực XI (cung cấp số liệu đối với thu XNK)
2	Chi ngân sách địa phương (lũy kế đến kỳ báo cáo; so sánh với dự toán và cùng kỳ năm trước)	Toàn tỉnh	Tháng	Các khoản chi chủ yếu	Sở Tài chính	
3	Giải ngân vốn đầu tư công	Toàn tỉnh	Tuần/tháng	Các Ban QLDA cấp tỉnh; các sở,	Sở Tài chính	Báo cáo tháng phải chi tiết

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
				ngành, đơn vị cấp xã		đến từng chủ đầu tư
4	Xuất nhập khẩu (<i>trị giá xuất khẩu, nhập khẩu và cân cán thương mại hàng hoá; số lượng doanh nghiệp xuất khẩu</i>)	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế/mặt hàng	Chi cục Hải quan khu vực XI	
5	Sắp xếp lại, xử lý nhà, đất (tổng số nhà, đất thuộc đối tượng; số nhà, đất đã được phê duyệt phương án; số nhà, đất đã triển khai theo phương án được phê duyệt; số nhà, đất dôi dư và tình hình xử lý)	Toàn tỉnh	Tháng	Sở, ngành, địa phương	Sở Tài chính	Phân loại theo từng hình thức xử lý, chi tiết đến từng đơn vị chủ quản
III	Ngân hàng					
1	Lãi suất cho vay bình quân	Toàn tỉnh	Tháng	VNĐ, USD/kỳ hạn	Ngân hàng nhà nước Chi nhánh khu vực 8	
2	Tổng dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế (VSIC)/ loại hình kinh tế	Ngân hàng nhà nước Chi nhánh khu vực 8	
3	Tổng nguồn vốn huy động của các tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài	Toàn tỉnh	Tháng		Ngân hàng nhà nước Chi nhánh khu vực 8	
IV	Doanh nghiệp - đầu tư					
1	Doanh nghiệp (<i>đang hoạt động; thành lập mới; số vốn đăng ký; quay trở lại hoạt động; tạm ngừng kinh doanh; chờ làm thủ tục giải thể; giải thể...</i>)	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế (VSIC)	Sở Tài chính	
2	Đấu thầu (<i>tổng số gói thầu, tổng giá trị trúng thầu và tỷ lệ tiết kiệm trong đấu thầu</i>)	Toàn tỉnh	Tháng/năm	Phân ngành kinh tế	Sở Tài chính	
3	Hợp tác xã, kinh tế tập thể (<i>đang hoạt động; thành lập mới; vốn điều lệ; giải thể</i>)	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế	Sở Tài chính	
4	Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế (<i>thành lập, điều chỉnh; thu hút đầu tư; đầu tư kết cấu hạ tầng; bảo vệ môi trường; tình hình sản xuất kinh doanh...</i>)	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế/đối tác đầu tư	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	
5	Đầu tư nước ngoài (<i>số lượng dự án, tổng vốn đăng ký đầu tư, bao gồm đầu tư mới, điều chỉnh vốn, góp vốn mua cổ phần...; vốn thực hiện; tình hình sản xuất kinh doanh</i>)	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế (VSIC)/đối tác đầu tư	Sở Tài chính: Báo cáo đối với các dự án ngoài KKT, KCN. Ban Quản lý KKT	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
					tỉnh: Báo cáo đối với các dự án đầu tư trong các KKT, KCN.	
6	Đầu tư ra nước ngoài (<i>số lượng dự án, tổng vốn đăng ký đầu tư, bao gồm đầu tư mới, tăng vốn...</i>)	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế/nước tiếp nhận đầu tư	Sở Tài chính	
7	Thu hút đầu tư trong nước (<i>số lượng dự án, tổng vốn đăng ký đầu tư, tổng vốn thực hiện...</i>)	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế	Sở Tài chính: Báo cáo đối với các dự án ngoài KKT, KCN; Ban Quản lý KKT tỉnh: Báo cáo đối với các dự án đầu tư trong các KKT, KCN	
8	Dự án đầu tư công (<i>số lượng dự án, tổng vốn đầu tư, giải ngân theo dự án</i>)	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế	Sở Tài chính	
V	Công Thương					
1	Chỉ số sản xuất công nghiệp	Toàn tỉnh	Tháng		Thống kê tỉnh Hà Tĩnh	
2	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu				Thống kê tỉnh Hà Tĩnh	
2.1	Quặng inmenit và tinh quặng inmenit	Toàn tỉnh	Tháng		Thống kê tỉnh Hà Tĩnh	
2.2	Quặng zircon và tinh quặng zircon	Toàn tỉnh	Tháng		Thống kê tỉnh Hà Tĩnh	
2.3	Đá xây dựng khác	Toàn tỉnh	Tháng		Thống kê tỉnh Hà Tĩnh	
2.4	Chè (trà) nguyên chất (như: chè (trà) xanh, chè (trà) đen)	Toàn tỉnh	Tháng		Thống kê tỉnh Hà Tĩnh	
2.5	Thức ăn cho gia súc	Toàn tỉnh	Tháng		Thống kê tỉnh Hà Tĩnh	
2.6	Bia đóng lon	Toàn tỉnh	Tháng		Thống kê tỉnh Hà Tĩnh	
2.7	Sợi xe từ các loại sợi tự nhiên: bông, đay, lanh, xơ dừa, cói ...	Toàn tỉnh	Tháng		Thống kê tỉnh Hà Tĩnh	
2.8	Vỏ bào, dăm gỗ	Toàn tỉnh	Tháng		Thống kê tỉnh Hà Tĩnh	
2.9	Dịch vụ sản xuất dược phẩm	Toàn tỉnh	Tháng		Thống kê tỉnh Hà Tĩnh	
2.10	Gạch xây dựng bằng đất sét nung (trừ gốm, sứ) quy chuẩn 220x105x60mm	Toàn tỉnh	Tháng		Thống kê tỉnh Hà Tĩnh	
2.11	Bê tông trộn sẵn (bê tông tươi)	Toàn tỉnh	Tháng		Thống kê tỉnh Hà Tĩnh	
2.12	Thép không gỉ ở dạng bán thành phẩm	Toàn tỉnh	Tháng		Thống kê tỉnh Hà Tĩnh	
2.13	Ắc quy bằng ion lithi	Toàn tỉnh	Tháng		Thống kê tỉnh Hà Tĩnh	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
2.14	Nước uống được	Toàn tỉnh	Tháng		Thống kê tỉnh Hà Tĩnh	
2.15	Nước không uống được	Toàn tỉnh	Tháng		Thống kê tỉnh Hà Tĩnh	
3	Điện năng (<i>nguồn, phụ tải, năng lượng tái tạo, nhập khẩu...</i>)	Toàn tỉnh	Tháng		Thống kê tỉnh Hà Tĩnh	
3.1	Điện sản xuất	Toàn tỉnh	Tháng		Thống kê tỉnh Hà Tĩnh	
3.2	Điện thương phẩm	Toàn tỉnh	Tháng		Thống kê tỉnh Hà Tĩnh	
4	Xăng dầu (<i>sản lượng tiêu thụ; sản xuất trong nước, nhập khẩu...</i>)					
4.1	Số lượng cửa hàng xăng dầu đang hoạt động	Toàn tỉnh	Tháng		Sở Công Thương	
4.2	Ước sản lượng tiêu thụ	Toàn tỉnh	Năm		Sở Công Thương	
5	Than (<i>than sạch sản xuất trong nước, than nhập khẩu,...</i>)	Toàn tỉnh	Tháng			
5.1	Số lượng mỏ than đang hoạt động khai thác	Toàn tỉnh	Năm		Sở Công Thương	
5.2	Sản lượng than khai thác	Toàn tỉnh	Năm		Sở Công Thương	
VI	Nông nghiệp					
1	Xuất khẩu ngành nông nghiệp	Toàn tỉnh	Tháng	Đơn vị cấp xã	Chi cục Hải quan Khu vực XI	
2	Nhập khẩu ngành nông nghiệp	Toàn tỉnh	Tháng	Đơn vị cấp xã	Chi cục Hải quan Khu vực XI	
3	Xuất khẩu gạo	Toàn tỉnh	Tháng		Chi cục Hải quan Khu vực XI	
4	Sản lượng lúa	Toàn tỉnh	Tháng 12/2025	Đơn vị cấp xã	Thống kê tỉnh Hà Tĩnh	
5	Diện tích gieo trồng cây hàng năm	Toàn tỉnh	Vụ/năm	Đơn vị cấp xã	Thống kê tỉnh Hà Tĩnh	
6	Diện tích rừng bị thiệt hại (<i>bị chặt phá, bị cháy...</i>)	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp tỉnh	Thống kê tỉnh Hà Tĩnh	
7	Diện tích rừng trồng mới tập trung	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp tỉnh	Thống kê tỉnh Hà Tĩnh	
8	Tỷ lệ che phủ rừng	Toàn tỉnh	06 tháng/năm	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
9	Sản lượng thủy sản	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp tỉnh	Thống kê tỉnh Hà Tĩnh	
-	Nuôi trồng	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp tỉnh	Thống kê tỉnh Hà Tĩnh	
-	Khai thác	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp tỉnh	Thống kê tỉnh Hà Tĩnh	
VII	Xây dựng					
1	Nhà ở và thị trường bất động sản (số lượng, diện tích công trình xây dựng nhà ở)	Toàn tỉnh	Tháng/Quý		Sở Xây dựng	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
2	Dự án quan trọng quốc gia, công trình trọng điểm giao thông vận tải (<i>dự án; tổng vốn đầu tư; giải ngân; tiến độ thực hiện, vướng mắc, kiến nghị...</i>)	Toàn tỉnh	Tháng		Sở Xây dựng	
3	Tổng số nhà ở xã hội hoàn thành	Toàn tỉnh	Tháng		Sở Xây dựng	
VIII	Các ngành dịch vụ khác					
1	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (<i>bán lẻ hàng hóa, dịch vụ lưu trú ăn uống, dịch vụ lẻ hành, dịch vụ kinh doanh bất động sản, dịch vụ khác</i>)	Toàn tỉnh	Tháng	Nhóm hàng chủ yếu	Thống kê tỉnh Hà Tĩnh, Sở Công Thương	
2	Số lượt khách quốc tế đến (<i>hàng không, đường bộ</i>)	Toàn tỉnh	Tháng	Châu lục, nước, vùng lãnh thổ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
3	Số lượt khách du lịch nội địa	Toàn tỉnh	Tháng		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
4	Vận tải hành khách (<i>vận chuyển, luân chuyển...</i>)	Trong tỉnh/ Ngoài tỉnh	Tháng	Phương thức vận tải	Thống kê tỉnh Hà Tĩnh	
5	Vận tải hàng hóa (<i>vận chuyển, luân chuyển...</i>)	Trong tỉnh/ Ngoài tỉnh	Tháng	Phương thức vận tải	Thống kê tỉnh Hà Tĩnh	
6	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải	Trong tỉnh/ Ngoài tỉnh	Tháng		Thống kê tỉnh Hà Tĩnh	
IX	Bảo hiểm xã hội					
1	Số người tham gia BHXH, BHYT, BHTN	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/Năm	BHXH, BHYT, BHTN	Bảo hiểm xã hội tỉnh	
2	Số người hưởng BHXH, BHYT, BHTN	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/Năm	BHXH, BHYT, BHTN	Bảo hiểm xã hội tỉnh	
3	Thu BHXH, BHYT, BHTN	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/Năm	BHXH, BHYT, BHTN	Bảo hiểm xã hội tỉnh	
4	Chi trả BHXH, BHYT, BHTN	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/Năm	BHXH, BHYT, BHTN	Bảo hiểm xã hội tỉnh	
X	Quản lý xã hội, an ninh trật tự, thanh tra					

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
1	Dân cư (giới tính; thành thị, nông thôn; dân tộc; tôn giáo; tỷ trọng dân số; thẻ CCCD đã cấp; tài khoản định danh điện tử)	Toàn tỉnh	Tháng		Công an tỉnh	
2	Xuất nhập cảnh (qua đường bộ, đường hàng không)	Toàn tỉnh	Tháng	Nước, vùng lãnh thổ	Công an tỉnh	
3	Phòng cháy, chữa cháy (số vụ, số người chết, bị thương, thiệt hại...)	Toàn tỉnh	Tháng		Công an tỉnh	
4	An toàn giao thông (số vụ tai nạn; số người chết; số người bị thương)	Toàn tỉnh	Tháng		Ban An toàn giao thông tỉnh	
5	Ngộ độc thực phẩm (số vụ, số người bị ngộ độc, số người chết...)	Toàn tỉnh	Tháng	UBND địa phương	Sở Y tế	
6	Dịch bệnh nhóm A, B theo Luật Phòng chống bệnh truyền nhiễm (số người nhiễm, số người tử vong...)	Toàn tỉnh	Tháng	UBND địa phương	Sở Y tế	
7	Phòng, chống tội phạm (ma túy; công nghệ cao; quản lý kinh tế; tham nhũng, tội phạm có tổ chức...)	Toàn tỉnh	Tháng		Công an tỉnh	
8	Công tác thanh tra (số cuộc thanh tra, phát hiện sai phạm, kiến nghị xử lý, kết quả thực hiện kết luận thanh tra)	Toàn tỉnh	Tháng	Không	Thanh tra tỉnh	
9	Tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo (cuộc tiếp công dân; tiếp nhận đơn thư; giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo ...)	Toàn tỉnh	Tháng	Không	Thanh tra tỉnh	
XI	Lao động, việc làm, giáo dục và đào tạo					
1	Lao động (lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam, giao dịch việc làm, lao động hưởng bảo hiểm thất nghiệp...)	Toàn tỉnh	Quý/06 tháng/cả năm	Nước, vùng lãnh thổ	Sở Nội vụ	
2	Giáo dục nghề nghiệp (cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tuyển mới, tốt nghiệp,...)	Toàn tỉnh	Tháng	Công lập/ ngoài công lập, giới tính, dân tộc, trình độ chuyên môn	Sở Giáo dục và Đào tạo	
3	Số cơ sở giáo dục nghề nghiệp có dạy nghề cho người khuyết tật	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/Năm		Sở Giáo dục và Đào tạo	
4	Bảo trợ xã hội (số người được trợ cấp xã hội hàng tháng; số người/hộ gia đình được hỗ trợ kinh phí	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/Năm	UBND xã, phường/ Cơ sở trợ	Sở Y tế	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
	<i>chăm sóc hàng tháng; số người khuyết tật được cấp giấy chứng nhận; số người khuyết tật được cấp thẻ bảo hiểm y tế,..)</i>			giúp xã hội		
5	Giáo dục và đào tạo (<i>Giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục đại học, giáo dục thường xuyên</i>)	Toàn tỉnh	Tháng 7 và 11 hằng năm	Công lập, ngoài công lập, giới tính, dân tộc	Sở Giáo dục và Đào tạo	
XII	Nội vụ - Cải cách hành chính, chuyển đổi số					
1	Công chức, viên chức (<i>biên chế hưởng lương từ NSNN; biên chế được giao; biên chế thực hiện; số tuyển mới, số nghỉ hưu, thôi việc, chuyển công tác ra khỏi cơ quan...</i>)	Toàn tỉnh	Tháng		Sở Nội vụ	
2	Tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến	Toàn tỉnh	Tháng		Văn phòng UBND tỉnh	
3	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Toàn tỉnh	Tháng		Văn phòng UBND tỉnh	
4	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Toàn tỉnh	Tháng		Văn phòng UBND tỉnh	
5	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn	Toàn tỉnh	Tháng		Văn phòng UBND tỉnh	
6	Nhóm chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử	Toàn tỉnh	Tháng		Văn phòng UBND tỉnh	
7	Nhóm chỉ số theo dõi việc thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	Sở, ngành/ Đơn vị cấp xã	Tháng		Văn phòng UBND tỉnh	
8	Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh và của các sở, ngành, địa phương	Sở, ngành/ Đơn vị cấp xã	Năm		Sở Nội vụ	
9	Chỉ số hài lòng của người dân về sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước (SIPAS)	Sở, ngành/ Đơn vị cấp xã	Năm		Sở Nội vụ	
10	Tỉ lệ hoàn thành các nhiệm vụ được giao về khoa	Sở,	Tuần, Tháng		- Sở Khoa học và Công	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
	học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06	ngành/ Đơn vị cấp xã			nghe: Báo cáo đối với các nhiệm vụ về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; - Công an tỉnh: báo cáo đối với các nhiệm vụ thực hiện Đề án 06.	
B	Nhóm chỉ số theo dõi nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm					
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm GRDP của địa phương	Toàn tỉnh	Quý/Năm		Thống kê tỉnh Hà Tĩnh	
2	GRDP bình quân đầu người	Toàn tỉnh	Năm		Thống kê tỉnh Hà Tĩnh	
3	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP	Toàn tỉnh	Quý/Năm		Thống kê tỉnh Hà Tĩnh	
4	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân	Toàn tỉnh	Tháng/Năm		Thống kê tỉnh Hà Tĩnh	
5	Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn theo giá hiện hành	Toàn tỉnh	Quý/Năm		Thống kê tỉnh Hà Tĩnh	
6	Tốc độ tăng năng suất lao động	Toàn tỉnh	Năm		Thống kê tỉnh Hà Tĩnh	
7	Tỷ trọng lao động nông, lâm, thủy sản trong tổng lao động xã hội	Toàn tỉnh	Quý/Năm		Thống kê tỉnh Hà Tĩnh, Sở Nội vụ	
8	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	Toàn tỉnh	Quý/Năm		Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo	
	Trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ	Toàn tỉnh	Quý/Năm		Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo	
9	Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị	Toàn tỉnh	Năm		Thống kê tỉnh (chủ trì); Sở Nội vụ	
10	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều	Toàn tỉnh	Năm	Cả nước/dân tộc thiểu số	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
11	Số bác sĩ trên 10.000 dân	Toàn tỉnh	Năm	Xã, phường	Sở Y tế	
12	Số giường bệnh trên 10.000 dân	Toàn tỉnh	Năm	Xã, phường	Sở Y tế	
13	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/Năm		Bảo hiểm Xã hội tỉnh	
14	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Toàn tỉnh	Quý/Năm		Sở Nông nghiệp và Môi trường	
15	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	Toàn tỉnh	Quý/Năm	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
16	Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn	Toàn tỉnh	Năm	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
17	Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	Toàn tỉnh	Năm		Ban Quản lý KKT tỉnh	
C	Nhóm chỉ số theo dõi tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án trọng điểm quốc gia đến năm 2025					
1	Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới	Toàn tỉnh	Tháng		Sở Nông nghiệp và Môi trường	
-	Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu,...	Toàn tỉnh	Tháng 12/2025	Đơn vị cấp xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	Toàn tỉnh	Tháng	Theo Dự án	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
3	Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc và miền núi	Toàn tỉnh	Tháng	Theo Dự án	Sở Nội vụ	
4	Các dự án quan trọng quốc gia, công trình trọng điểm giao thông vận tải	Toàn tỉnh	Tháng	Theo Dự án	Sở Xây dựng	
D	Nhóm chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành trong các tình huống khẩn cấp như thiên tai, dịch bệnh, ứng phó và tìm kiếm cứu nạn					
1	Các thông tin về khí tượng thủy văn (<i>số liệu quan trắc khí tượng thủy văn, bản tin dự báo thời tiết, cảnh báo thiên tai khí tượng thủy văn tại khu vực xảy ra thiên tai, dịch bệnh, ứng phó và tìm kiếm cứu nạn</i>)					
1.1	Các thông tin về khí tượng thủy văn (số liệu quan trắc khí tượng thủy văn, bản tin dự báo thời tiết, cảnh báo thiên tai khí tượng thủy văn)	Toàn tỉnh	Giờ/Ngày/Tháng		Đài Khí tượng thủy văn tỉnh	
1.2	Các thông tin về dịch bệnh, ứng phó và tìm kiếm cứu nạn	Toàn tỉnh	Giờ/Ngày/Tháng		Sở Nông nghiệp và Môi trường	
2	Các thông tin về công trình phòng chống thiên tai (<i>hồ chứa thủy lợi, thủy điện, đê điều, sạt lở bờ sông, bờ biển</i>)	Toàn tỉnh	Giờ/Ngày/Tháng	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương	
3	Các thông tin về dân sinh - kinh tế (<i>dân cư, nhà ở, đất diện tích trồng trọt, số đầu con trong chăn nuôi, diện tích thủy sản, số hộ thiếu đói...</i>)	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/Năm	Đơn vị cấp xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng	
4	Số hộ/người được hỗ trợ lương thực do thiên tai, hòa	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/Năm	Đơn vị cấp xã	Sở Y tế	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
	hoạn, giáp hạt hoặc lý do bất khả kháng khác					
5	Tổng số gạo hỗ trợ	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/Năm	Đơn vị cấp xã	Sở Y tế	
6	Các thông tin dữ liệu về công trình giao thông vận tải (điểm có nguy cơ sạt lở, lở, bao gồm tọa độ, chiều dài, phương án xử lý...)	Toàn tỉnh	Tháng		Sở Xây dựng	
7	Các thông tin về tàu cá (số lượng tàu, loại tàu, khu vực neo đậu, thông tin về chủ tàu, vị trí hành trình, camera...)	Toàn tỉnh	Giờ/Ngày/Tháng		Sở Nông nghiệp và Môi trường	